

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 03/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị

Căn cứ công văn số 605/BTTTT-CĐSQG của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 25/02/2025 về việc đôn đốc, báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 03/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị;

Căn cứ Công văn số 1192/VPUBND-KGVX ngày 07/03/2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 03/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 03/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị như sau:

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết 03/NQ-CP

Căn cứ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và tình hình thực tiễn, ngày 13/01/2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt của tỉnh bằng hình thức trực tuyến kết nối với Hội nghị toàn quốc về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia do Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương tổ chức đảm bảo thành phần theo quy định; các đơn vị, địa phương trong tỉnh cũng đã tổ chức điểm cầu và kết nối đến cấp cơ sở ở những nơi có đủ điều kiện để học tập, quán triệt, với 13.099 đại biểu tham dự gồm Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; ở các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh,.... Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cũng đã quán triệt Nghị quyết trên cho cán bộ chủ chốt của tỉnh tại buổi họp thông tin kinh tế - xã hội thường kỳ tháng 01 năm 2025.

Sau Hội nghị trực tuyến toàn quốc, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị tiếp tục tổ chức các Hội nghị nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết cho cán bộ chủ chốt chưa được tham dự Hội nghị trực tuyến toàn quốc; đồng thời tổ chức quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức Hội nghị góp ý Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 03/NQ-CP nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn của tỉnh. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo An Giang thực hiện các chuyên mục, đăng tải các bài viết tuyên truyền các chủ trương của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm góp phần nâng cao nhận của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, tạo đồng thuận cao trong nhân dân trong quá trình thực hiện Nghị quyết

Các địa phương, đơn vị, đoàn thể đã chủ động hướng dẫn, tổ chức tuyên truyền sâu rộng nội dung nghị quyết và việc học tập, quán triệt, triển khai thực hiện đến cán bộ, đảng viên và nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp với tình hình thực tiễn: thông qua các hội nghị, sinh hoạt của tổ chức đoàn thể; tuyên truyền trên đài truyền thanh, truyền hình cấp huyện và hệ thống loa truyền thanh cơ sở; trên bản tin nội bộ, trang thông tin điện tử của ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương...

Trên cơ sở Nghị quyết số 03/NQ-CP, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương tại Công văn số 406/VPUBND-KGVX ngày 23/01/2024. Theo đó, ngày 28/02/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 181/KH-UBND triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, phân công Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm đôn đốc, tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành văn bản đôn đốc các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch 181/KH-UBND.

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác rà soát văn bản

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 nhằm kịp thời phát hiện các văn bản không còn phù hợp, mâu thuẫn, chồng chéo để đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành

mới hoặc bãi bỏ để đảm bảo sự phù hợp, thống nhất của hệ thống pháp luật hiện hành.

2. Việc thu hút, sử dụng nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ

- Đối với kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ

Thời gian qua, kinh phí đầu tư triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh chủ yếu được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước, ước giai đoạn 2021-2024, mức đóng góp ngoài ngân sách cho nghiên cứu khoa học và công nghệ đạt khoảng 30%.

- Về phát triển đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao:

Trong những năm gần đây, đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ của tỉnh được tăng cường mạnh về số lượng và chất lượng. Hiện trên địa bàn tỉnh có 1.432 người có trình độ từ đại học trở lên, trong đó tổng số cán bộ có chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư, số cán bộ có học vị tiến sĩ là 23 người. Đây là tiềm năng, lợi thế lớn của tỉnh về nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.

- Về hạ tầng khoa học và công nghệ: An Giang là tỉnh có hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ tương đối tốt với cơ sở vật chất kỹ thuật của các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, của trường đại học, cao đẳng... Hiện tại, tỉnh có 49 tổ chức khoa học và công nghệ; trong đó, có 40 tổ chức khoa học và công nghệ công lập và 02 tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, 04 tổ chức thuộc cơ sở giáo dục đại học và 03 văn phòng đại diện/chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ thuộc các lĩnh vực.

3. Việc tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gia

a) Việc ban hành các chiến lược nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ

Việc ban hành chiến lược nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trên địa bàn đã được tỉnh An Giang tích hợp trong Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050¹.

b) Việc xây dựng dữ liệu

Thực hiện Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1410/KH-UBND ngày 23/12/2024 triển khai thực hiện

¹ Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 11/06/2020 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang. Trong đó, chỉ đạo các sở, ban, ngành; đơn vị, địa phương ưu tiên xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và ứng dụng chuyên ngành để hình thành cơ sở dữ liệu thống nhất, chia sẻ dùng chung, hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; tránh tình trạng cát cứ dữ liệu trong mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương; liên thông, tích hợp với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đảm bảo theo các quy định, quy chuẩn, hướng dẫn của bộ, ngành chủ quản.

Cổng dữ liệu mở tỉnh An Giang được vận hành tại địa chỉ <https://opendata.angiang.gov.vn/>, thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu mở của các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh theo danh mục dữ liệu mở được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đề cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng; số lượng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã cung cấp dữ liệu mở là 180/188² cơ quan, đạt tỷ lệ 95,74%.

Thiết lập kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để lưu trữ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính phục vụ việc tái sử dụng và đã tích hợp với Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

c) Việc phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược

Hiện các tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh hoạt động trên các lĩnh vực như: khoa học nông nghiệp, khoa học y dược, .. như Trường Đại học An Giang, Viện Nghiên cứu nông nghiệp Lộc Trời, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ,.... Tuy nhiên, các tổ chức nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm mới chỉ đáp ứng được mục tiêu phục vụ các dịch vụ sự nghiệp công, nghiên cứu khoa học và công nghệ và phục vụ giảng dạy, chưa đạt chuẩn phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược.

4. Việc chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của cơ quan

a) Đánh giá thực trạng, xác định mức độ ứng dụng công nghệ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Tình hình, kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến

Bước đầu hình thành các cơ sở dữ liệu nền và chuyên ngành, phục vụ triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số; *Tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện về Chính quyền điện*

² 188 cơ quan gồm: 21 sở, ngành tỉnh; 11 UBND cấp huyện; 156 UBND cấp xã.

tử đạt 80% (và sẽ hoàn thành trên 90% trước tháng 8/2025, đảm bảo theo Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2020-2025).

Theo kết quả Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử được đánh giá trên cổng dịch vụ công quốc gia, năm 2024 tỉnh An Giang đạt 85,76/100 điểm, xếp thứ 09/63 tỉnh, thành phố.

Trong năm 2024, đã tiếp nhận 901.402 hồ sơ, tổng số hồ sơ xử lý đúng và trước hạn là 899.364 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,77%. Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 21/02/2025, đã tiếp nhận 94.463 hồ sơ, đã xử lý 89.603 hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 98,2%.

- Các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí hoạt động, đổi mới phương thức làm việc. Kết quả cụ thể như sau:

+ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh: Hệ thống được xây dựng tập trung, thống nhất tại địa chỉ: <https://dichvucong.angiang.gov.vn> và đáp ứng đầy đủ các tính năng, chức năng và yêu cầu kỹ thuật theo quy định để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn. Tính đến ngày 31/12/2024 (Theo Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/3/2023), hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh cung cấp tổng số dịch vụ hành chính công (toàn bộ số lượng thủ tục hành chính của tỉnh): 2.120 dịch vụ công. Trong đó: Số lượng dịch vụ công trực tuyến một phần: 560 dịch vụ công; Số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 1.284 dịch vụ công; Tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước hạn và đúng hạn: 98,2%; Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: 94% (28.204/29.986 hồ sơ); Tỷ lệ thủ tục hành chính được triển khai thanh toán trực tuyến: 100% (561 thủ tục); Tỷ lệ thủ tục hành chính có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 100% (Trong đó, 222 thủ tục có phát sinh thanh toán trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, 119 thủ tục có phát sinh thanh toán qua dịch vụ bưu chính công ích); Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 97,98% (650.572/663.964 hồ sơ) (Trong đó, 390.107 hồ sơ được thanh toán trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, 260.465 hồ sơ thanh toán qua dịch vụ bưu chính công ích). Đã thực hiện đồng bộ, tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình của tỉnh (1.148 dịch vụ) trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Đến nay, đã triển khai quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước đó đến 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, tỷ lệ số hóa của Tỉnh trên

Cổng dịch vụ công quốc gia ghi nhận: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 85,42%; Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử đạt 88%.

+ Phát triển Kênh giao tiếp số hợp nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp: Triển khai ứng dụng SmartAnGiang giúp kết nối người dân với chính quyền. Ứng dụng cho phép người dân tra cứu các tiện ích cơ bản như: thủ tục hành chính, quan trắc môi trường, đất đai,... Ngoài ra, người dân có thể tạo phản ánh, kiến nghị trên ứng dụng gửi cơ quan chức năng để tiến hành xử lý và theo dõi tiến độ xử lý. Tính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024, hệ thống đã tiếp nhận 618 phản ánh, kiến nghị của người dân, cụ thể: Đã giải quyết: 582 phản ánh, kiến nghị (đạt 94,17%); Đang xử lý: 36 phản ánh, kiến nghị.

+ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh: đã được triển khai đáp ứng các quy trình nghiệp vụ quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg và liên thông gửi nhận văn bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản Quốc gia (VDXP). Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100%. Hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật) đạt tỷ lệ lần lượt là 96%, 92%, 89%.

+ Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động tỉnh: đã được triển khai cho các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng giúp điện tử hóa, chuẩn hóa chế độ, biểu mẫu báo cáo của các cơ quan trên địa bàn tỉnh và kết nối, liên thông với Hệ thống báo cáo Chính phủ và thực hiện gửi số liệu báo cáo định kỳ hằng tháng đối với 8 chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh. Tỷ lệ báo cáo của cơ quan nhà nước được thực hiện trực tuyến đạt 100%.

+ Cổng thông tin điện tử tỉnh: cung cấp đầy đủ thông tin, kịp thời đối với các mục tin đáp ứng quy định và đã thực hiện nâng cấp giao diện, quy hoạch lại các chuyên mục, chuyên trang, các tính năng kỹ thuật, an toàn bảo mật, đồng thời đáp ứng theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng và Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật cho cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước và đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6. Cổng thông tin điện tử tỉnh đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ³.

+ Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang được triển khai vận hành, thử nghiệm ngày 20/6/2022, với 10 lĩnh vực (Kinh tế xã hội, Hành

³ Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của UBND tỉnh.

chính công, Văn bản điện tử, Y tế, Giáo dục, Du lịch, Lưu trú, Camera an ninh, Phản ánh kiến nghị, Lắng nghe mạng xã hội); phân công 08 nhân sự (kiêm nhiệm) tham gia trực và tiếp nhận xử lý thông tin. Đã triển khai ứng dụng di động (app) SmartAnGiang để tiếp nhận phản ánh kiến nghị của người dân. Hệ thống hoạt động ổn định, dữ liệu được cập nhật định kỳ, đảm bảo dữ liệu mới nhất và minh bạch theo thời gian thực.

b) Kết quả triển khai thực hiện, ứng dụng các nền tảng số nhằm nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực

Ngày 22/8/2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Kết quả đạt được như sau:

- Nhận thức số

Các Cơ quan, đoàn thể các cấp tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết trên địa bàn tỉnh; phổ biến, quán triệt nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Kênh truyền thông “Chuyên đổi số quốc gia” trên ứng dụng Zalo tiếp tục được phổ biến, sử dụng để cập nhật các thông tin mới nhất về chuyển đổi số tới đông đảo mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Qua đó, đã nâng cao nhận thức của người dân về hoạt động chuyển đổi số.

Duy trì vận hành Chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh An Giang. Thường xuyên đăng tin, bài tuyên truyền trên Báo An Giang, Chuyên mục Chuyển đổi số và truyền thông trên Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Đài truyền thanh các huyện, thị xã, thành phố, Hệ thống đài truyền thanh cơ sở tại các xã, phường, thị trấn góp phần giúp các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân cập nhật các thông tin về chuyển đổi số

- Hạ tầng số

+ Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh An Giang giai đoạn 2023 - 2025; Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 05/9/2024.

+ Nhằm đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất cách xác định các khu vực lõm sóng băng rộng di động trên địa bàn tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã có văn bản hướng dẫn các đơn vị, địa phương tiêu chí xác định khu vực lõm sóng trên địa bàn tỉnh⁴.

+ Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% khóm, ấp, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, tìm kiếm thông tin của người dân trong tỉnh.

⁴ Công văn số 1096/STTTT-CNTT-BCVT ngày 16/7/2024.

+ 100% các khu công nghiệp, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện có kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, điều hành.

+ 100% cơ quan nhà nước của tỉnh có mạng cục bộ (LAN) và được kết nối mạng Internet, mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

+ Hiện trạng hạ tầng: Số vị trí cột, nhà trạm BTS là 2.189. Trong đó, số trạm thu phát sóng thông tin di động là: 4.918; Thuê bao điện thoại di động: 2.164.505; Thuê bao băng rộng cố định: 424.495; Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 71,29%; Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: 74,7%; Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng rộng cố định: 83,17%; Tỷ lệ phủ rộng mạng băng rộng cố định, tỷ lệ phủ sóng 3G/4G đạt 100% các xã toàn tỉnh. Đang khuyến khích các doanh nghiệp đăng ký với tập đoàn/tổng công ty triển khai 5G tại An Giang (Mạng 5G Viettel đã phủ sóng tại thủ phủ 11/11 huyện, thị xã, thành phố trên toàn tỉnh từ ngày 15/10/2024; Mạng di động 5G VNPT đã triển khai phát sóng cuối tháng 11/2024 đầu tháng 12/2024 tại tất cả Trung tâm huyện, thị xã, thành phố, Khu vực trường Đại học, Bệnh viện, chợ, khu dân cư đông đúc trên địa bàn tỉnh An Giang).

+ Triển khai Chương trình viễn thông công ích giai đoạn 2021-2025 đã hỗ trợ cho việc duy trì khả năng tiếp cận dịch vụ internet băng rộng cho Ủy ban nhân dân cấp xã, trạm y tế, các trường học thuộc các vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quyết định công bố của Bộ Thông tin và Truyền thông từ nguồn Quỹ Viễn thông công ích. Các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh cũng được hỗ trợ cước viễn thông, cước internet, thiết bị đầu cuối truyền hình số từ chương trình này, giúp cho việc tiếp cận các dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông, truyền hình của người dân được thuận lợi.

+ Chuyển đổi IPv6 cho hệ thống mạng, dịch vụ công nghệ thông tin tỉnh An Giang giai đoạn 2022 - 2025³, đã thực hiện chuyển đổi Cổng thông tin điện tử tỉnh, Cổng thông tin điện tử thành phần, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh sang IPv6. Sở Thông tin và Truyền thông đã có văn bản⁵ gửi các cơ quan, địa phương rà soát, kiểm tra kết nối Internet đảm bảo cấu hình 100% máy trạm người dùng kết nối IPv6 hoàn thành trong năm 2024.

+ Duy trì mạng truyền số liệu chuyên dùng trở thành hạ tầng truyền dẫn căn bản thống nhất, ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối từ cấp tỉnh đến cấp xã, kết nối các hệ thống thông tin, nền tảng, ứng dụng phục vụ Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

+ Dự án Trung tâm dữ liệu, điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang: Đang thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án để trình UBND tỉnh xin chủ trương thay đổi hình

⁵ Công văn số 1494/STTTT-TTCNTTTT ngày 09/9/2024.

thực hiện theo Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia.

+ Dự án số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực: Đã khảo sát, hồ sơ giấy tờ, tài liệu thuộc phạm vi số hóa để tạo lập cơ sở dữ liệu điện tử và tái cấu trúc quy trình cung cấp dịch vụ hành chính công (giai đoạn 1).

+ Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh An Giang được đầu tư trang thiết bị cơ bản đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Trung tâm đang vận hành các hệ thống, ứng dụng dùng chung của tỉnh: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh; Hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng thông tin điện tử tỉnh; Cổng dữ liệu mở tỉnh;... và đã được phê duyệt cấp độ 3 tại Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- *An toàn, an ninh mạng*

+ Tỷ lệ hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước được xác định và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ là 99/99, đạt 100%.

+ Đoàn kiểm tra của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh và Bộ phận đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng thuộc Đề án 06/CP tỉnh thực hiện kiểm tra, phúc tra tình hình chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2024 đối với các cơ quan, địa phương. Trong đó, kiểm tra tổng thể các tài khoản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh có khai thác cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, các thiết bị đầu cuối tra cứu dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh. Qua đó, giúp các cơ quan, địa phương kịp thời đánh giá được tình hình thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số và an toàn thông tin theo Đề án 06/CP, cũng như hỗ trợ hướng dẫn các cơ quan, địa phương giải pháp khắc phục những hạn chế, đảm bảo được nhiệm vụ hoàn thành chính quyền điện tử của các cơ quan nhà nước các cấp; đảm bảo an toàn thông tin trong truy cập cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Hiện đang phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thủ tục thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC: Security Operations Center)” theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 1220/VPUBND-KGVX ngày 15/3/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; triển khai Hệ thống giám sát an toàn thông tin và xử lý mã độc tập trung theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 4777/VPUBND-KGVX ngày 13/9/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Ngày 01/11/2024, Tổ công tác của Bộ Công an và Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Tập đoàn VNPT triển khai cung cấp dịch vụ cho các tỉnh/thành phố (trong đó có tỉnh An Giang). Qua kiểm tra Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Tập đoàn VNPT triển khai đã hoàn thành việc khắc phục các lỗ hổng bảo mật theo các biên bản kiểm tra của Tổ công tác và các nội dung tồn tại theo Công văn số 2760/BCA-C06 ngày 15/8/2024 của Bộ Công an về việc thông báo kết quả kiểm tra an ninh mạng, an toàn thông tin các hệ thống thông tin kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

c) Đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính, hiệu quả quản trị quốc gia gắn với triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Việc giải quyết thủ tục hành chính, hiệu quả quản trị quốc gia gắn với triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang đã được triển khai thực hiện tốt, đồng bộ. Người dân đã được hưởng lợi trực tiếp từ việc giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến.

5. Việc ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục rà soát các văn bản liên quan đến lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh nếu thấy không còn phù hợp sẽ nhanh chóng đề xuất sửa đổi hoặc ban hành mới. Đồng thời, sau khi Chính phủ ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 193/2025/QH15, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ khẩn trương tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

6. Công tác phát triển, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Trong thời gian tới, tỉnh An Giang tập trung nghiên cứu, xây dựng chính sách của tỉnh thực hiện công tác phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút nhân tài trong và ngoài nước, thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người học và chính sách thu hút cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, xây dựng cơ chế đặc thù trong hợp tác đào tạo, phát triển đội ngũ các nhà khoa học đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

7. Về hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tỉnh An Giang thường xuyên đẩy mạnh việc tìm kiếm và thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu theo hình thức hợp tác song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế có nền khoa học phát triển để tiếp cận công nghệ hiện đại và thu hút kinh phí đầu tư từ nước ngoài cho hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, Trường Đại học An Giang đã ký kết hợp tác với nhiều Viện, Trường, doanh nghiệp trong và ngoài nước như: Công ty PLANTNER (Hàn Quốc), Trường Đại học khoa học kỹ thuật Ngô Phụng (Đài Loan), ..

III Đánh giá chung

1. Ưu điểm

- Sự vào cuộc kịp thời, quyết liệt của cả hệ thống chính trị, về cơ bản tỉnh An Giang hoàn thành văn bản cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương; các cơ quan thông tin, báo chí đã chủ động hướng dẫn, tổ chức tuyên truyền sâu rộng nội dung nghị quyết và việc học tập, quán triệt, triển khai thực hiện đến cán bộ, đảng viên và nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp, qua đó, thể hiện sự quyết tâm của các cấp ủy, chính quyền và các cơ quan chuyên môn trong việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2. Hạn chế, nguyên nhân

- Hạ tầng mạng và hệ thống thiết bị của tỉnh mặc dù liên tục phát triển nhưng chỉ đáp ứng một phần cho việc vận hành các hoạt động do sự thay đổi liên tục của công nghệ và nguồn vốn đầu tư có giới hạn.

- Quá trình tiếp nhận công nghệ đối với một số doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất và người dân còn gặp nhiều khó khăn do vẫn còn sản xuất theo phương thức truyền thống, hệ thống máy móc, thiết bị còn hạn chế và chưa được đầu tư rộng rãi.

- Nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu, chưa đáp ứng kịp thời với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư do công nghệ mới liên tục phát triển; đa phần nguồn nhân lực phụ trách công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị đều kiêm nhiệm.

- Nhiều công nghệ ưu tiên, chủ chốt của cách mạng Công nghiệp công nghiệp lần thứ tư, công nghệ cao được ưu tiên khuyến khích phát triển nhưng chưa được triển khai mạnh mẽ do vốn đầu tư cao nên nông dân, doanh nghiệp triển khai còn hạn chế. Một số cơ sở, doanh nghiệp còn bị động, năng lực tiếp cận ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại còn thấp, chưa áp dụng công nghệ số vào quản lý và sản xuất kinh doanh.

- Công tác huy động các nguồn lực để tiến tới xã hội hoá các hoạt động khoa học và công nghệ chưa đạt kết quả như mong muốn, đối ứng ngoài ngân sách chỉ mới triển khai bước đầu ở một số đề tài, dự án cấp tỉnh.

- Hoạt động hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa sản phẩm, phát triển doanh nghiệp dựa trên tài sản trí tuệ còn gặp nhiều khó khăn. Quá trình thẩm định, định giá giá trị tài sản, thương mại hóa cho các sản phẩm từ ứng dụng khoa học và công nghệ cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro trong đó có cả những vấn đề rủi ro cả về mặt pháp lý, đặc biệt là các tài sản trí tuệ, tài sản chuyển giao hình thành thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

IV. Phương hướng, giải pháp khắc phục hạn chế

- Tăng cường vai trò của cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP, Chương trình hành động 32-CTr-TU⁶ và Kế hoạch 181/KH-UBND.

- Kịp thời cụ thể hóa, ban hành các chủ trương, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Tập trung xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ được giao, trọng tâm là hạ tầng phục vụ chuyển đổi số.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách nhằm phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

- Phát triển mạnh mẽ nguồn nhân lực thích ứng với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tập trung vào đổi mới phương thức đào tạo, lấy doanh nghiệp làm thước đo chất lượng đào tạo.

- Ưu tiên phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên, phát triển nông nghiệp 4.0; chú trọng các nhiệm vụ thuộc các công nghệ chiến lược, nền tảng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh cơ giới hóa, tự động hóa, ứng dụng Internet vạn vật (IOT), ứng dụng công nghệ thông minh trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

- Tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; hoàn thiện cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực.

⁶ Chương trình hành động số 32-CTr-TU ngày 24 tháng 02 năm 2025 của ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trên cơ sở bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ưu tiên các đề tài, dự án phục vụ các chương trình, đề án trọng tâm của tỉnh phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế tại địa phương.

- Thúc đẩy hoạt động đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp và tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục duy trì và phát triển nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đã được chứng nhận, phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế tỉnh An Giang.

V. Những công việc thực hiện trong thời gian tới

1. Tập trung triển khai các nhiệm vụ đã được cụ thể hóa tại Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP của Chính phủ.

2. Tiếp tục xây dựng, cập nhật dữ liệu, số hóa các ngành, lĩnh vực, đẩy mạnh triển khai các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia; rà soát, làm sạch dữ liệu về lý lịch tư pháp, dữ liệu căn cước can phạm; tiến đến hình thành kho dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở của tỉnh đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu các cấp, các ngành để kịp thời phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, nhân dân tham gia khai thác dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả 42 mô hình điểm tại Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh An Giang; đối với 19 mô hình điểm của thành phố Hà Nội, An Giang sẽ nghiên cứu, lựa chọn những mô hình phù hợp với đặc thù của địa phương để vận dụng triển khai nhằm mang lại giá trị cho người dân, doanh nghiệp và chính quyền địa phương.

VI. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề xuất Chính phủ xây dựng, triển khai nền tảng quản lý văn bản và chỉ đạo, điều hành dùng chung cho các cơ quan Nhà nước các cấp và tiến đến triển khai nhân rộng (hoặc đảm bảo liên thông) cho toàn Hệ thống chính trị nhằm đảm bảo tính hiệu quả, tiết kiệm, liên thông, thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

2. Đề xuất Trung ương tăng cường triển khai các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số bằng nhiều hình thức (trực tiếp hoặc trực tuyến) thông qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà; đặc biệt là tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo *chuyên gia về chuyển đổi số* cho địa phương (ít nhất là 03-05 chuyên gia cho mỗi địa phương).

3. Chính phủ sớm có cơ chế, chính sách hỗ trợ cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác chuyên trách về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

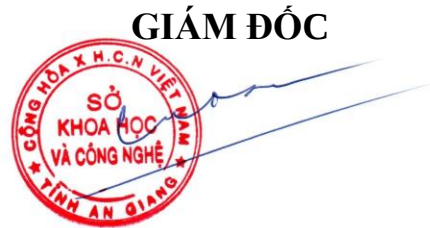
4. Chính phủ sớm ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để các địa phương có thể sớm triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 03/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, kính gửi Bộ Khoa học và Công nghệ./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- UBND tỉnh (b/c) ;
- Lãnh đạo Sở ;
- Lưu VT.

Đính kèm: Kế hoạch 181/KH-UBND
ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh



GIÁM ĐỐC

Lê Quốc Cường